

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ WINCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ WINCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WINCO EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WINCO

2. Mã số doanh nghiệp: 0110833759

3. Ngày thành lập: 12/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, Ngách 8, Ngõ 4, Xóm giữa, thôn Thanh Oai, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977 413 367

Fax:

Email: winco@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy cơ khí; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác	4659(Chính)
2.	Cho thuê xe có động cơ	7710
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

11.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
12.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
13.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
16.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
17.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
18.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
19.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
20.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
21.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
22.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
23.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
24.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
25.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
26.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
27.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
28.	Sản xuất máy luyện kim	2823
29.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu như bán buôn bình nước nóng, điều hòa không khí, dung điện hoặc năng lượng (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn trang thiết bị bảo hộ lao động Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
31.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
32.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
33.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
34.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
35.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
36.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

37.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
39.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
41.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
42.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
43.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải Hành khách bằng taxi	4931
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0899
54.	Xây dựng công trình thủy	4291
55.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
56.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nhiên liệu)	4662
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
59.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
60.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

64.	Bán buôn đồ uống	4633
65.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
66.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
69.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
70.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
71.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
72.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
73.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
74.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
75.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
76.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
77.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
78.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
79.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
80.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
81.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
82.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
83.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
84.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ trang thiết bị bảo hộ lao động	4773

